

Bản án số: 119/2020/QĐST-HNGĐ

Ngày: 02-07-2020

*V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Việt Hùng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Vỹ**

Bà **Nguyễn Thị Chung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Ngọc Tiến** – Cán bộ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên toà:*

Ông **Dương Xuân Quang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 07 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Trịnh Thị Thu Ph.** – sinh năm 1981(có mặt).

HKTT + Nơi ở: Số 17A, hẻm 32/15/23 Phố A., phường Y., quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** **Anh Ngô Công Đ.** – sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

HKTT: Khối TN. (nay là khối DC.), phường Q., Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Số 17A, hẻm 32/15/23 Phố A., phường Y., quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai, hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn – chị Trịnh Thị Thu Ph. trình bày:

Về tình cảm: Tôi với anh Đ. quen nhau khi cả 2 đều làm việc tại công ty may 20. Anh Đ. lái xe, còn tôi làm việc ở cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Sau một thời gian chúng tôi quyết định đi đến hôn nhân khi đó cả 2 chưa ai có vợ, chồng. Chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 25/01/2010 tại UBND phường C., Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Sau khi cưới nhau vợ chồng tôi ở nhờ nhà bà ngoại. Ngay sau ngày cưới chúng tôi đã nảy sinh bất đồng quan điểm mâu thuẫn trong cách suy nghĩ sinh hoạt hàng ngày, đối nội đối ngoại, cách nhìn nhận vấn đề... Đến khi có con thì bất đồng vợ chồng ngày càng lớn chúng tôi luôn mâu thuẫn trong vấn đề nuôi dạy con cái. Từ khi lấy chồng đến nay, anh Đ. không hề hỗ trợ đóng góp tiền bạc trong sinh hoạt hàng ngày mà luôn lấy ý do lúc thì bảo tiền đầu tư vào làm ăn lúc thì bảo chạy xe ở cơ quan vượt quá tốc độ nên bị phạt nặng... ngay cả khi

tôi sinh con khi ra viện tôi bảo anh ra thanh toán viện phí thì anh cũng bảo không có tiền. Đây thực sự là một cú sốc lớn đối với tôi.

Khi tôi sinh con anh về thăm 3 ngày rồi lại đi và cứ thế một mình tôi nuôi dạy con trải cuộc sống hàng ngày.

Đến đầu năm 2016 anh Đ. bất ngờ bảo nghỉ việc xin ra quân ở công ty Tân Cảng Sài Gòn chuyển ra Hà Nội để đoàn tụ gia đình thấy anh biết suy nghĩ và cũng muốn con gái được hạnh phúc nên bà ngoại đã xin cho anh vào lái xe cho công ty FLC. Lúc này chúng tôi vẫn ở nhờ nhà bà ngoại.

Vợ chồng tôi luôn mâu thuẫn nên cuộc sống tình dục vợ chồng hầu như không có. Tôi và anh Đ. hầu như không tâm sự chuyện cơ quan công việc, hôm nào anh về sớm thì anh lên tầng hút thuốc lá đến giờ ngủ thì xuống phòng con ngủ còn tôi và con nằm phòng bên cạnh và cứ thế thời gian anh về nhà thưa dần.

Tôi nghĩ mình cố gắng chịu đựng để cho con có cuộc sống gia đình trọn vẹn để con được hưởng tình yêu thương của cả ba và mẹ vì từ nhỏ cháu đã thiếu thốn tình cảm của ba nhưng càng cố gắng thì lại càng để con chứng kiến mâu thuẫn và sự vô trách nhiệm của ba.

Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn và có nguyện vọng xin được ly hôn.

Về con chung: chúng tôi có 01 con gái tên cháu là Ngô Minh H. sinh ngày 06/12/2010. Từ bé đến lớn cháu do một tay tôi chăm sóc nuôi dưỡng. Tình trạng sức khỏe cháu bình thường sau khi ly hôn cháu sẽ vẫn tiếp tục ở với mẹ. Từ trước tới nay chồng tôi không chu cấp hàng tháng nên sau khi ly hôn tôi cũng không yêu cầu chu cấp.

Hiện tại tôi đang làm việc ở Công ty Viettel mức thu nhập bình quân: 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Chúng tôi không có không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Công Đ. trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân Thị Xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An:

Về tình cảm: Tôi với chị Trịnh Thị Thu Ph. kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Hà nội nhưng địa chỉ cụ thể tôi không nhớ rõ. Hai chúng tôi kết hôn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Vợ chồng không sống gần nhau nên dẫn đến tình cảm không còn.

Nay chị Trịnh Thị Thu Ph. xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị Ph. có 01 con gái tên cháu là Ngô Minh H. sinh ngày 06/12/2010. Ly hôn, tôi đồng ý để chị Trịnh Thị Thu Ph. được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng xin để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chúng tôi không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trịnh Thị Thu Ph. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Ngô Công Đ., chị Trịnh Thị Thu Ph. có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Ngô Công Đ. cấp dưỡng tiền nuôi con vì từ trước đến nay anh Ngô Công Đ. cũng không quan tâm gì đến con.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Ngô Công Đ. xin vắng mặt nên không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ theo các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thu Ph..

Về con chung: Giao con gái Ngô Minh H. sinh ngày 06/12/2010 cho chị Trịnh Thị Thu Ph. được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ngô Công Đ. cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xét.

Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu Ph. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Thu Ph. khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Công Đ. tại Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, tại thời điểm chị Trịnh Thị Thu Ph. làm đơn khởi kiện với anh Ngô Công Đ. thì anh Ngô Công Đ. đang sinh sống và ở tại số 17A, hẻm 32/15/23 Phố A., phường Y., quận Tây Hồ, Thành phố Hà nội. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Ngô Công Đ. thay đổi chỗ ở, anh Ngô Công Đ. đã có đơn nhất trí về sự lựa chọn của chị Trịnh Thị Thu Ph. khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ nên Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngô Công Đ. có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án xét xử vắng mặt anh Ngô Công Đ. là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Trịnh Thị Thu Ph. và anh Ngô Công Đ. xây dựng gia đình với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C., Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà nội ngày 25 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, cả hai đều kết hôn lần đầu - đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị từ năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống, anh Ngô Công Đ. không quan tâm chăm sóc vợ và con. Chị Trịnh Thị Thu Ph. có đơn xin ly hôn, anh Ngô Công Đ. cũng xác định là vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thu Ph. vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Như vậy, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thu Ph. là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hai đương sự có con chung là con gái Ngô Minh H. sinh ngày 06/12/2010. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị Trịnh Thị Thu Ph., Ly hôn, chị Trịnh Thị Thu Ph. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền, không yêu cầu anh Ngô Công Đ. cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Ngô Công Đ. đồng ý để chị Trịnh Thị Thu Ph. nuôi con và không cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Thu Ph. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ngô Công Đ. cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Trịnh Thị Thu Ph. phải nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thu Ph., chị Trịnh Thị Thu Ph. được ly hôn với anh Ngô Công Đ..

2. Về con chung: Giao con gái Ngô Minh H. sinh ngày 06/12/2010 cho chị Trịnh Thị Thu Ph. được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ngô Công Đ. cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Ngô Công Đ. được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xét.

4. Về án phí ly hôn: Chị Trịnh Thị Thu Ph. phải nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trịnh Thị Thu Ph. đã nộp xong 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3790 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Án xử công khai sơ thẩm chị Trịnh Thị Thu Ph. (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Công Đ. (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Tây Hồ;
- Chi cục THADS quận Tây Hồ;
- UBND Phường C., Hai Bà Trưng
- Đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Hùng